

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

PHONG CÁCH KHẢO CỨU VĂN HÓA CỦA PHẠM ĐÌNH HỒ QUA *VŨ TRUNG TÙY BÚT*

ĐOÀN THỊ CẢNH

Phạm Đình Hồ (1768 - 1832) là một trong những nhà văn hóa lớn của Việt Nam. Ông đã có công sưu tầm tài liệu, chỉnh lý, biên khảo văn hóa ở thời kỳ đầu của nhà Nguyễn, đóng góp nhiều tác phẩm vào kho tư liệu xã hội nhân văn Việt Nam. Các tác phẩm của ông thể hiện một phong cách đặc biệt trong khảo cứu văn hóa, như: cái tôi trữ tình, phương pháp ghi chép kiểu “nhặt hoa trong cỏ”, nghệ thuật ký sự, quan điểm về quản lý xây dựng môi trường văn hóa chú trọng yếu tố lễ và sự thanh giản. Những đặc trưng rất riêng đó của ông được thể hiện rõ nét qua tác phẩm Vũ trung tùy bút – một ghi chép vào cuối đời Lê và đời Tây Sơn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Ngành văn hóa học ra đời muộn màng với mốc đầu tiên là công trình *Văn hóa nguyên thủy* của E.B. Tylor (1871). Ở Việt Nam thì sự ra đời của văn hóa học càng muộn màng hơn nữa và thường được lấy mốc là công trình *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh (1938).

Với *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh là người đầu tiên khái quát một cách hệ thống các đặc tính của

văn hóa Việt. Trong *Việt Nam văn hóa sử cương*, điều ông quan tâm đầu tiên là phải xác định được khái niệm văn hóa như là công cụ để miêu tả, phân tích và khái quát những nội dung của lịch sử văn hóa dân tộc: “văn hóa tức là sinh hoạt” (Đào Duy Anh, 1938, tr. 13). Tuy nhiên công việc đó chỉ được thực hiện khi ông viết cuốn *Văn hóa là gì* vào năm 1945, trong đó Đào Duy Anh đã nhắc lại mối quan hệ giữa văn hóa và sinh hoạt, đồng thời phân tích sâu sắc mối quan hệ này để từ đó đi đến một quan niệm: văn hóa tức là sinh hoạt và phân tích các phương thức sinh

Đoàn Thị Cảnh. Thạc sĩ. Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

hoạt đó. Sau Đào Duy Anh, ngành văn hóa học và khoa Lý luận văn hóa đã phát triển mạnh mẽ và có nhiều nền tảng về lý luận hơn.

Tuy nhiên, nói đến nghiên cứu văn hóa cũng cần phải nhìn nhận đến sự đóng góp của các nhà văn hóa - lịch sử thời kỳ trung đại và những năm đầu thế kỷ XX, những người đã tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành văn hóa học Việt Nam.

Nổi bật nhất và đầu tiên phải kể đến là những khảo cứu văn hóa - lịch sử của Lê Quý Đôn (1726 - 1784). Với tài năng thiên phú và vốn học vấn uyên thâm, ông đã để lại cho đời những trước tác đồ sộ. Các tác phẩm như *Quản thư khảo biện*, *Vân đài loại ngữ*, *Quốc triều tạp biên*, *Bắc sử thông lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục*... cho đến nay vẫn là những tư liệu quý và được xem là đỉnh cao của khoa khảo cứu, văn bản học Việt Nam thời trung đại.

Sau Lê Quý Đôn, Phạm Đình Hổ (1768 - 1832) cũng là một nhà khảo cứu văn hóa tài hoa. Cũng như Lê Quý Đôn, ông từng giữ chức Thừa chỉ Viện Hàn lâm. Ông tiếp nối con đường biên khảo của Lê Quý Đôn, nhưng phát triển thêm ở phần văn chương, khảo cứu xen lẫn tung hứng chuyện vui buồn thế sự. Đây có thể là ưu điểm, mà cũng là hạn chế trong phong cách nghiên cứu của ông. Ngoài hai tác giả này, văn chương Hán Nôm còn có nhiều tác giả khảo cứu văn hóa quan trọng khác như Trịnh Hoài Đức, Phan Huy Chú, Nguyễn Văn

Siêu... Dựa trên chính sách khuyến khích phát triển văn hóa của triều đình, Quốc sử quán triều Nguyễn đã để lại cho lịch sử và văn hóa dân tộc một gia tài lớn.

Việc nghiên cứu văn hóa Việt bị băng đì trong những năm kháng Pháp cuối triều Nguyễn, đến đầu thế kỷ XX, phong trào khếch trương văn hóa Việt lại nở rộ do các tác giả Trương Vĩnh Ký, Phan Khôi, Phạm Quỳnh... khởi xướng. Ở thời kỳ này các tác giả bàn về văn hóa với một cách tiếp cận khác: so sánh với phương Tây và khơi lại bản sắc cội nguồn dân tộc như một biểu hiện sâu kín của lòng yêu nước... Đây là thời kỳ các trào lưu tranh luận văn hóa - văn học và nghệ thuật diễn ra sôi nổi thông qua mảng báo chí - ký sự - du ký với tên tuổi của *Nam phong tạp chí*.

Như vậy con đường phát triển của văn hóa học đã có những tiền đề lâu dài. Trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ – một đại diện cho phong cách tiếp cận văn hóa đặc trưng trung đại, góp phần định vị vai trò của ông trong sự phát triển lý luận nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

1.2. Phạm Đình Hổ sinh năm Mậu Tý (1768) trong một gia đình khoa bảng, người làng Đan Loan, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương).

Tuy tài hoa học rộng, nhưng ông chỉ đỗ đến sinh đồ (tức tú tài) vào khoảng cuối đời Lê Chiêu Thống. Suốt quãng

thời gian loạn lạc cuối thời vua Chiêu Thống và phong trào Tây Sơn, Phạm Đình Hổ sống đời hàn nho dạy học ở quê.

Sau khi Gia Long lên ngôi, khôi phục lại việc học hành thi cử, Phạm Đình Hổ đã đi thi Hương ba lần, nhưng đều không đỗ. Đó là những năm ông đang dạy học ở phường Thái Cực, huyện Thọ Xương trong thành Thăng Long, hằng ngày rèn luyện học trò và biên soạn sách.

Năm Canh Thìn (1820), có chỉ thị của triều đình triệu ông và Phan Huy Chú vào Huế đợi mệnh cất dùng, nhưng vì ốm ông không vào được. Năm Tân Tỵ (1821), vua Minh Mạng ra Bắc. Phạm Đình Hổ khi ấy 53 tuổi, được vua vời đến hỏi về học vấn, thi cử và tình hình nhân tài đất Bắc. Vua khuyên hễ có những sách tiền triều, sách trước thuật... nên đem tiến trình. Ông bèn dâng lên nhà vua những sách do mình biên soạn, rồi được triệu vào kinh đô Huế làm Hành tẩu Viện Hàn lâm (tương đương chức thư ký bây giờ) (Chiếu chỉ ngày 28 tháng 10 năm Minh Mệnh 2 (1821) tước Bình Phong tử), nhưng không bao lâu sau ông xin từ chức.

Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), vua lại triệu ông, cho làm Thừa chỉ Viện Hàn Lâm, tước Bình Phong bá (đứng đầu Viện Hàn Lâm, tương đương chánh ngũ phẩm), tiếp đến làm Tế tửu Quốc Tử Giám (tương đương Hiệu trưởng đại học bây giờ). Năm sau, ông xin nghỉ bệnh rồi từ chức. Sau đó, ông lại vào sung chức, được thăng Thị giảng

học sĩ (Hàm tòng tứ phẩm). Năm Nhâm Thìn (1832), ông xin về hưu luôn. Năm Kỷ Hợi (1839), ông mất, thọ 71 tuổi.

Chí nguyện của Phạm Đình Hổ là muốn *lấy văn thơ nổi tiếng ở đời*, nên cuộc đời ông chủ yếu dành cho việc sáng tác và biên soạn sách nhiều hơn là ở chốn quan trường. Nhờ đọc nhiều, đi nhiều, ông đã để lại nhiều công trình khảo cứu, biên soạn có giá trị thuộc đủ mọi lĩnh vực: văn học, triết học, địa lý, sử học,... tất cả đều viết bằng chữ Hán. Một số tác phẩm của ông vẫn còn đến ngày nay, như: *Kiên khôn nhất lãm*, *Bát nhã tâm kinh chú thích*, *Chiếu biểu tập*, *Quần thư tham khảo*, *Tham khảo tạp kí*, *Châu phong tạp thảo*, *Đường An Loan Phạm gia thế phả*, *Hành Nam diện đối kí*...

Về sáng tác văn học - văn hóa, ông có hai tập bút ký: *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* (hợp soạn với Nguyễn Án, ai viết thiên nào thì ghi tên vào thiên đó) và hai tập thơ: *Đông Dã học ngôn thi*; *Tùng cúc liên mai tứ hữu*.

Tác phẩm *Vũ trung tùy bút*, gồm 91 thiên, được xem là một trong những áng cổ văn hay, có giá trị về văn hóa và lịch sử. Ngoài những thiên có tính chất là truyện ngắn, hầu hết tác phẩm thể hiện một góc nhìn văn hóa rất đặc biệt và những biên khảo văn hóa có giá trị, là tư liệu lịch sử quý cho mai hậu. Đây được xem là tác phẩm mở đầu của thể tùy bút và là một kiểu ký sự văn hóa đặc trưng trung đại.

2. PHONG CÁCH KHẢO CỨU VĂN HÓA CỦA PHẠM ĐÌNH HỔ QUA *VŨ TRUNG TÙY BÚT*

2.1. Phong cách “nhặt hoa trong cỏ”

Trên cơ sở tham khảo một số cách phân loại theo nội dung trước đây của Dương Quảng Hàm và Nguyễn Phương Chi, người viết phân loại, thống kê các thiên trong *Vũ trung tùy bút* như bảng dưới đây:

Mệnh năm 1921 khi được vời ra Bắc giao nhiệm vụ tìm sách vở: “nếu trong dân gian tùy chỗ tìm kiếm thì cũng chỉ được tàn biên đoạn giản chữ hiếm mà có được toàn thư” (Phạm Đình Hổ, *Châu phong tạp thảo*, bài *Hành tại diện đối ký*); hay do trong thiên *Hoa thảo* (*Vũ trung tùy bút*), ông trân trọng vẻ đẹp thanh tao của loại lan “trồng trong cái chậu vỡ đất sỏi, để góc hè,

STT	Loại	Tên thiên	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tự thuật	<i>Tự thuật, Đêm rằm tháng tám</i>	2	2,2
2	Thế sự (chuyện trong kinh)	<i>Trịnh Phủ cố sự, Lục hải, Học thuật, Mấy năm được mùa, Trộm cắp, Mẹo lừa, Thay đổi</i>	7	7,7
3	Truyền kỳ	<i>Mộng và số, Thác oan, Nhân ngư, Điềm quái gỡ, Việc tai dị, Điềm cây đa</i>	6	6,6
4	Địa danh/ địa chí	<i>Địa danh duyên cách, Xứ Hải Dương, Tên Huyện Đường An, Tên làng Châu Khê, Làng Hạ Bì, Duyên cách</i>	6	6,6
5	Phong cảnh, đền, chùa, miếu mạo....	<i>Cảnh chùa Sơn Tây, Tạp ký (viết về đền bà Liễu Hạnh), Cổ tích (hiểu là dấu vết xưa), Đền Đế Thích, Miếu bà chúa ngựa, Đền thờ Cao tướng công, Thần hồ Động Đình, Đền thờ làng Tuấn Kiệt, Thần Hổ, Thần trẻ con, Gò đất làng đình tổ</i>	11	12,1
6	Con người (bạn bè/ danh nhân văn hóa)	<i>Tả Chí Hâu, Nguyễn Nghiêu Minh, Nguyễn Kính, Đoàn Thượng, Phạm Tử Hư, Phạm Ngũ Lão, Phạm Cư Sĩ, Đỗ Uông, Nhữ Công Tung, Lý Đạo Tái, Võ Thái Phi, Phạm Trấn – Đỗ Uông, Bùi Thế Vinh, Võ Công Thạnh, Nhà họ Nguyễn ở Tiên Điền, Truyện vua Lê Lợi, Thần hồ Động Đình</i>	17	18,7
7	Lễ nghi, học thuật	<i>Lối chữ, Xét về địa mạch và nhân vật, Bàn về âm nhạc, Bàn về lễ, Lễ đội mũ, Hôn lễ, Lễ tế giao, Khoa cử, Phép thi nghiêm mật, Việc thi cử, Y học Trung Hoa, Việc tế tự (2 thiên), Văn thể, Phép thi, Thể văn kinh nghĩa, Thể văn tứ lục, Thể thơ, Thể văn sách, Lễ nhà miếu, Thần lễ, Lễ tang (2 thiên), Bái lễ (2 thiên), Quan chức, Lễ sách phong, Tế lễ, Trọ tế</i>	29	31,8
8	Phong tục tập quán, tín ngưỡng	<i>Hoa thảo, Cách uống chè, Tệ tục, Phong tục, Nón đội, Đường sĩ hoạn, Áo mặc, Đàn, Cuộc bình văn trong nhà giám, Cái thói kiêng ngày trùng tang trùng phục, Khách để cửa, Cư tang, Mộ chí</i>	13	14,3

Công việc của Phạm Đình Hổ thường được ví von với kiểu “nhặt hoa trong cỏ”, do cách ông trả lời vua Minh

cảnh lá lờ thơ” (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 45). Phong cách của ông là ghi chép những gì mắt thấy tai nghe,

không nặng về khảo cứu mà uyển chuyển, tùy hứng để người đời sau còn dễ tiếp nhận. Nhìn vào các thiên nội dung trong *Vũ trung tùy bút*, ta thấy mỗi quan tâm khá đa dạng của tác giả, nhưng chủ yếu là những câu chuyện ghi chép về những nét văn hóa đặc sắc, tiêu biểu của đời xưa và những thay đổi đương thời dưới góc nhìn cá nhân, chú trọng những gì mà chính sử không ghi chép. Nhiều ghi chép được ông thực hiện trên đường du ngoạn cảnh vật và di tích. Những ghi chép đa dạng phong phú của ông cho chúng ta thấy được phần nào phong tục tập quán, nét tư duy của người Việt thời cuối Lê đầu Nguyễn.

Về mặt không gian, Phạm Đình Hổ chủ yếu ghi lại những chuyện xảy ra trong Kinh thành hoặc tổng Hải Dương nơi ông sinh sống. Các thiên như *Hoa thảo*, *Cách uống chè* là những ghi chép thú vị về phong vị “ăn chơi” ngày xưa. Nếp tư duy về văn hóa của Phạm Đình Hổ là trọng cốt chứ không lấy cách nên phần nào làm bật lên thú chơi tao nhã chốn kinh kỳ, đồng thời cũng cho thấy sự nhiều khê, phú quý sinh lễ nghĩa. Ông ghi chép khá cẩn thận những thói tục của việc ma chay cưới hỏi, những nét sinh hoạt đặc trưng của người dân trong *Thừa tự*, *Cư tang*, *Lễ tang*...

Ông dành 2 thiên *Nón đội* và *Áo mặc*, khảo tả trang phục của người Việt bấy giờ. Đây là nguồn tư liệu quý về văn hóa - xã hội cho hiện tại. Bài viết ngắn nhưng tả được những nét chung với một niềm hoài cổ khi chứng kiến một vài nếp cũ mất đi. Nội dung khảo tả

chân thực và trong cái nhìn so sánh “lệ cũ... bây giờ...”, đã cho thấy một vài nét sinh hoạt của người dân xưa và những biến thiên của thời đại lên trang phục.

Ông cũng có những thiên phê phán những tệ tục. Chẳng hạn thiên *Đền thờ Bà chúa ngựa*, kể chuyện một bà nọ vì thông dâm với nhiều người nên bị quan ghép tội chết. Không ngờ bà chết đúng giờ thiêng nên thành thần và dân làng lập đền thờ tự. Ông phê phán thói tục này, đồng thời phê phán cả bộ Lễ chưa kịp thời có biện pháp ngăn cản, làm phong hóa đời sống tín ngưỡng của dân.

Phạm Đình Hổ dành khá nhiều trang viết cũng như dồn tài học uyên thâm vào mảng khảo cứu các điển lễ. Ông đi từ những câu chuyện kinh sách, đi từ đời vua trước cho đến bây giờ, viện dẫn lời bàn và cả những chuyện “minh họa” cho điển lễ đó. Những điển lễ được viết lồng trong câu chuyện kể, lúc đơn giản, khi công phu hơn, như thiên *Bàn về lễ*. Cách viết khá đơn giản (tùy bút) của ông giúp bộ mặt điển lễ học thuật được thể hiện khá rõ nét mà không quá “nghiêm túc” khó đọc như các khảo cứu quan phương. Khi đọc những thiên này, đối chiếu với các văn bản quan phương khác, thì rõ ràng độ tin cậy chưa hẳn là cao nhưng khả năng đi vào quần chúng là rất lớn và đó cũng là thế mạnh của Phạm Đình Hổ. Hai mươi chín thiên khảo cứu điển lễ phần nào cho người đọc một cái nhìn chung về lễ lạt hành chính và những quy củ âm nhạc, thi văn đương thời.

Ở mảng địa chí, ông quan tâm đến phần thay đổi địa danh và những câu chuyện xung quanh địa phương đó. Cách ghi của Phạm Đình Hổ có lúc rất quan phương, khảo cứu nặng nề có lúc lại ngẫu hứng. Chuyện *Địa danh duyên cách* ghi lại sự thay đổi của tên các vùng đất, như từ Thanh Đàm sang thành Thanh Trì do kỵ húy, hay từ Vĩnh Xương thành Thọ Xương, những sự việc mà theo ông quốc sử không thể chép hết. Những câu chuyện mang tính địa phương chí về người làng, thần làng hay những thay đổi thể sự trong tổng Hải Dương mà ông thấy hoặc nghe được cũng được ông chép lại một cách cuốn hút.

Một trong những mối quan tâm lớn mà Phạm Đình Hổ dành vài thiên để ghi chép, đó là chuyện thi cử. Có thiên ông khảo cứu chuyện thi cử ngày xưa, có thiên thì kể chuyện thi cử của những người ông quen biết. Đọc những khảo cứu này của ông, người ta không chỉ biết được phép thi ngày ấy, mà còn biết cả tệ mua quan bán tước, hám chuyện công danh... của một thời loạn lạc nơi kinh thành.

Một số ít các thiên ông ghi chép về đình chùa miếu mạo, những câu chuyện vật mang tính truyền kỳ dân gian như tục thờ thần Hổ, quan niệm về địa linh nhân kiệt, vận và khí của một quốc gia (*Xét về địa mạch và nhân vật, Mệnh và số*), cũng là những nét đặc trưng của văn hóa trung đại mà đến nay không còn nữa.

Như vậy, Phạm Đình Hổ đã ghi lại một bộ mặt văn hóa xã hội phong phú từ

phong tục tín ngưỡng, cách ăn mặc trong dân gian, những phong vật phong thổ, đến tiết chế lễ nghi của một quốc gia phong kiến, sự thay đổi hay mất đi của một tập quán cũ. Có thể thấy đó là sự khái lược diện mạo văn hóa của một cộng đồng người thuộc một quốc gia trong tập sách nhỏ. Tất nhiên cũng có thiên ông viết còn khá sơ sài, nhưng ông cẩn thận chưa thêm, như: “Vậy hãy ghi chép lại đây, để đời người hiền triết đời sau xét đoán” (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 169); “nhưng sử sách lại không thấy chép, vậy nên ghi lại đây để xét” (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 174); “chưa hiểu nghĩa làm sao, hãy ghi lại đây để xét” (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 193)... thì thấy ý thức văn hóa thực rất rõ nét ở con người này.

2.2. Nghệ thuật ký sự văn hóa

Về mặt thể loại có thể xét *Vũ trung tùy bút* là một tập ký sự tùy bút như chính tác giả gọi tên tác phẩm này⁽¹⁾.

2.2.1. Yếu tố chân thực là yếu tố nổi trội của *Vũ trung tùy bút*. Nó thể hiện ở những điểm sau:

Khảo sát người thật việc thật: Phần lớn các thiên đều ghi chép từ những nguồn rõ ràng. Truyện các nhân vật đời trước thì có chú ghi từ đâu. Chuyện thời nay thì đều ghi rõ nhân vật là người ở đâu có quan hệ như thế nào với mình.

Góc nhìn cá nhân: Đặc trưng của thể ký sự là tác giả chính là bức chân dung cuối cùng nằm đằng sau tất cả những chân dung khác. Người viết ký sự chọn nhân vật, chọn cách thể hiện

cũng chính là thể hiện những quan điểm văn hóa của mình. Điều này có thể thấy rõ trong tác phẩm, vì hầu hết đều khảo theo kiểu: theo ta biết, theo ta hiểu, ta thấy, cùng thời với ta... Đối với văn phong hiện đại điều này không có gì xa lạ, nhưng đối với văn phong trung đại thì có thể xem đây là một phá cách. Với cách xuất hiện như một “nhân vật kể chuyện” (thuật ngữ chỉ lối kể chuyện ngôi thứ nhất điểm nhìn nội tại), Phạm Đình Hổ có một lợi thế trong việc tái hiện hiện thực và khiến người đọc tin theo hiện thực đó. Xuyên suốt tác phẩm dù ở thiên nào, chỉ vài lời bình hay lời bạt ngắn, ông cũng cho chúng ta thấy chân dung của một kẻ ưu thời mẫn thế: những trăn trở cho một thế sự loạn lạc thời cuối Lê; băn khoăn về sự thay đổi thị hiếu; day dứt cho một thế hệ đi vào loạn ly. Cảm khái thời đại chính là cảm xúc thẩm mỹ lớn nhất mà tác phẩm để lại trong lòng bạn đọc. Sự hoài cổ của Phạm Đình Hổ là dễ hiểu khi con người không tìm thấy được niềm vui trong cuộc sống đương thời.

Từ diện đến điểm và ngược lại: Tính điển hình của văn học đã giúp cho tác phẩm có thể cuốn hút bạn đọc. Khi bàn về lễ tác giả luôn đi từ kinh sách, chuyện xưa cho đến chuyện nay, rồi lại bàn ở một khía cạnh nhỏ (*Bàn về lễ, Tế tự...*) Cũng có lúc ngược lại là từ một chuyện nhỏ, ông khái quát lên bình diện xã hội rộng lớn (Tệ mê tín của người dân thờ bà chúa Ngựa). Đặc biệt, ông thường lựa những chi tiết rất đặc thù điển hình để khảo tả, làm cho tác phẩm có chiều sâu dù độ

dài không đáng kể. Tính điển hình và cấu trúc diện - điểm làm cho câu chuyện thực sự hấp dẫn, không khô khan như những khảo cứu quan phương.

Ý thức hiện thực hóa huyền thoại: Chẳng hạn câu chuyện về Lý Đạo Tái (Huyền Quang sư) vốn được khoác màu huyền thoại và được ghi chép rất nhiều trong các Phật tích. Ông lại có khuynh hướng lý giải câu chuyện một cách hiện thực, rằng con người và nàng thơ vẫn nằm thồn thức trong trái tim người tu sĩ. Đứng trước sự cảm dỗ của “cái đẹp” là nàng Điểm Bích, thiền sư Huyền Quang có rung động hay không? Điều này chưa có lời đáp rõ ràng. Trong thiên truyện ký của mình, Phạm Đình Hổ như muốn hướng người đọc vào bài thơ của nàng Điểm Bích: đứng trước một dung nhan tuyệt đẹp lại có Nàng Thơ trú ngụ bên trong thì vị chân tu nơi cửa Phật, cũng là một thi nhân, sao lại có thể dửng dưng. Khuynh hướng hiện thực hóa ấy đã làm cho những ghi chép văn hóa của Phạm Đình Hổ không chỉ là tư liệu mà còn mang tính nhân văn và nhân bản.

Ghi chép tỉ mỉ: Với phong cách khảo cứu nên đôi khi ông ghi chép quá tỉ mỉ. Vì vậy dù có tính chân thực cao nhưng tác phẩm cũng bị nặng nề. Cách ghi chép này có ở hầu hết là các thiên điển lễ.

2.2.2. Một số công thức viết chính

Bố cục của các thiên thường tuân theo quy chuẩn: Bàn từ kinh sách - Chuyện xưa - Chuyện nay - Định hướng và Lời bàn của tác giả.

Phần khảo cứu điển lễ hầu như theo bố cục này. Như chuyện *Y học Trung Hoa*, ban đầu bàn về y thuật trung Hoa trong y văn để lại. Phần sau là bàn chuyện y thuật trong nước, sau nữa là bàn về các danh y cùng thời như Lê Hữu Trác và Nguyễn Quý. Ngoài khảo cứu tác giả còn kể chuyện chữa bệnh của hai ông cho vợ của người anh họ là Nguyễn Tôn Kiệu, và sau cùng là lời bàn về trình độ y thuật.

Tất nhiên bố cục chuẩn đó không hoàn toàn đầy đủ ở một số thiên, có khi chỉ còn là: Chuyện xưa - chuyện nay - lời bàn; Chuyện xưa - chuyện nay... Cách nhìn đối sánh xưa nay của người viết văn hóa như vậy làm cho tác phẩm có giá trị về mặt tư liệu. Chẳng hạn như thiên *Đàn*:

“Nước ta có thứ đàn đáy và đàn tranh đều gảy bằng tiếng tơ. Đại lược có bốn tiếng chính là: *tính, tĩnh, tình, tinh*, lại đặt thêm ba tiếng phụ là: *tung, tang, tàng*; bảy tiếng ấy thay đổi làm chủ khách mà thành ra xoang điệu. Đời gần đây mới chuộng đàn nguyệt, đó là một thứ hồ cầm đời cổ, còn gọi là đàn Nguyễn cầm (bởi ông Nguyễn Hàm đời nhà Tấn đặt ra), gảy thành những tiếng: *xừ, xang, hồ, xé, cống, lưu, ú, xáng*; những tiếng ấy phối hợp với bảy thanh, mười hai luật, đã kể tường ở trong sách *Cửu phong tân nhạc thư*. Song nam bắc, phong thổ mỗi nơi một khác, nên ít người biết gảy cho hay. Khoảng năm Cảnh Hưng (1740 - 1786) có quan Nội điện cung phụng quản tiên hữu đội là Nguyễn Đình Dịch, mới biến đổi ra theo tiếng nam, nghe cũng

hay. Nhưng tiếng trong, tiếng đục lẫn lộn, chưa có xoang điệu gì cả. Ông Vũ Chi Đồng, người làng An Thái, cũng thích chơi đàn nguyệt, trước học điệu Trung Hoa, biết đủ các tiếng, các bậc, rồi gảy ra tiếng ta, và xen thêm các bài đàn đáy, đàn nguyệt của ta, tiếng rần, tiếng mềm dịu dàng hợp nhau, bụng nghĩ thế nào, tay gảy được thế ấy. Mới biết các thứ thanh âm, không thứ nào là không thông với nhau được” (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 109).

Thiên này rất ngắn nhưng tác giả vẫn chưa thêm lời bàn: “Nói tóm lại, phàm tấu nhạc ở nhà tôn miếu, thanh âm phải cho trang nhã; những lúc đưa đón dẫn rượu, lên xuống chúc hồ, phải tùy lễ mà đàn hát cho hay. Còn như lúc tế đám ma thì phải cho thê thảm. Âm nhạc phải tùy mỗi lúc một khác. Bây giờ, những người tập nghề thổi kèn hay làm những trò quỷ quái để cho thế tục khen, như lúc đám ma thổi kèn thờ, bắt chước giọng đàn bà trẻ con khóc lóc kể lể, người nghe lấy làm thích ý, lại thưởng cho. Ôi! Âm nhạc chủ hòa, cốt phải hợp lễ, thế nào trang nghiêm, lúc nào thê thảm, lúc nào được nhập điệu là hay. Còn như tiếng rền rĩ, giọng ghêu ngao, khác nào tiếng khóc tiếng mếu, sao không để người khóc cho mà nghe, lại phải thổi kèn bắt chước làm gì? Thế chẳng phải sai mất cái ý cổ nhân ư? Đó là tại không có quan chuyên trách, chứ trách chỉ những bọn thợ kèn!” (*Biện về âm nhạc*) (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 78, 79).

Ở các truyện về con người văn hóa bên cạnh công thức kiểu liệt truyện

(sinh - quê quán - sự nghiệp - mất) thì ông có thêm cái mới là những chi tiết điển hình, hoặc lời bàn của cá nhân hay câu chuyện mang ý nghĩa thân tình. Vì thế các câu chuyện về nhân vật lịch sử của ông sẽ khác với chính sử mà mang tính cá nhân nhiều hơn. Ví dụ câu chuyện Phạm Ngũ Lão ra mắt Trần Hưng Đạo: Hưng Đạo Vương cùng tùy tùng đi ngang qua Đường Hào thấy Phạm Ngũ Lão ngồi bên vệ đường đang đan sọt. Quân lính kéo đến, dẹp lối đi. Phạm Ngũ Lão vẫn ngồi thản nhiên, như không để ý đến ai cả. Quân lính cầm giáo đâm vào đùi chảy máu mà ông vẫn không nhúc nhích, thấy vậy Vương dừng lại hỏi, bấy giờ Phạm Ngũ Lão mới trả lời rằng đang nghĩ một câu trong binh thư nên không để ý. Biết là người có tài, Trần Hưng Đạo cho ông ngồi cùng kiệu đưa về kinh sư. Từ đó Phạm Ngũ Lão trở thành môn khách của Trần Hưng Đạo. Cách ghi chép trên khiến những ký sự này thiên về truyện và có tính văn học cao.

2.2.3. Yếu tố truyền kỳ dân gian

Do nằm trong quy chuẩn của văn học trung đại, tác phẩm ghi chép vẫn còn yếu tố truyền kỳ, yêu thích cái kỳ ảo theo thẩm mỹ thời đại. Đây là yếu tố đặc trưng của ghi chép văn hóa Phạm Đình Hổ.

Nhưng yếu tố truyền kỳ ở đây không chiếm dung lượng lớn như một thể kỷ trước đó, nó hiện thực dần, thể hiện cái nhìn xã hội rộng lớn của tác giả, và tất nhiên những chuyện thần linh chỉ quái cho đến sau thế kỷ XIX đã

mất dần chỗ đứng trong ký sự (ví dụ *Hải trình nhật ký* hay *Tây hành kiến văn kỷ lược* của Lý Văn Phức).

3. QUAN ĐIỂM VỀ VĂN HÓA CỦA PHẠM ĐÌNH HỔ

Vũ trung tùy bút là một trong những tác phẩm không quá dụng công của Phạm Đình Hổ, nhưng lại là tác phẩm có đời sống lâu dài và rộng rãi trong dân gian, quả là "*hữu ý trồng hoa hoa chẳng nở/ vô tâm cắm liễu liễu xanh um*".

Sở dĩ có điều ấy vì tác giả vừa chọn một lối "tùy bút" phóng túng ngẫu hứng, vừa chọn những mảng chuyện rất gần với đời sống hằng ngày. Những thiên truyện dung dị mà uyên thâm, chứa đựng nỗi u hoài thế sự của một nhà nho học.

Hiện tại nhìn lại những quan điểm về văn hóa và công việc khảo cứu văn hóa của Phạm Đình Hổ vừa có cái lỗi thời, lại có cái hoàn toàn mới cho đến hôm nay.

- Quan điểm khảo cứu khách quan: Việc tác giả ghi chép rất nhiều chuyện song để ngỏ khi chưa đủ tư liệu chứ không hề hư cấu hay thêm vào theo lý lẽ của mình, thể hiện thái độ trân trọng sự thực hiếm thấy. Ông luôn ý thức việc ghi chép văn hóa là lưu giữ cho mai sau, tinh thần ấy luôn cần thiết và mới mẻ cho ngành văn hóa học: "văn hiến không đủ, thế tục không truyền, nên những người hiểu cổ cũng thường phải thờ dài mà chịu không thể xét ra cho rõ được." (*Địa danh duyên cách*) (Phạm Đình Hổ, 2012, tr. 41). Trong một giai đoạn mà viết văn thể hiện

lòng hiếu chữ, chơi chữ, trọng ở bình giá, thì những ghi chép thường nhật của tác giả đã thể hiện quan điểm bảo tồn và trân trọng sự thực.

- Quan điểm về xây dựng môi trường văn hóa, lòng tự cường dân tộc: Tác phẩm của ông phản ánh tệ tục, bài bác nạn mê tín dị đoan, bàn về phát huy cái tốt đẹp của âm nhạc học thuật. Có thể thấy Phạm Đình Hổ thấm nhuần tinh thần luật Hồng Đức và luật triều Nguyễn, làm trọn công việc mà vua Minh Mệnh đã giao khi vời ông vào kinh là khôi phục lại nền văn hóa cổ xưa đã bị mất mát do bao nhiêu năm can qua.

- Quan điểm về giữ gìn và phát huy điển lễ: đây là quan điểm xuyên suốt, vì ông là một quan “văn hóa” đương thời. Cái nhìn của ông vừa hoài cổ, vừa mong muốn phát huy những giá trị đẹp đẽ trong đời sống văn hóa của nhân dân, dù là nhỏ nhất.

- Phong cách cá nhân/góc nhìn nội tại: Phạm Đình Hổ đã vẽ nên chân dung cuối cùng của ký sự là chân dung con người văn hóa Phạm Đình Hổ: một con người ưu thời mẫn thế, nghiêm túc, tỉ mỉ ghi chép lưu trữ những nét văn hóa đặc sắc của dân tộc và cái tôi cá nhân tha thiết với những giá trị truyền thống và nhân văn trong từng câu chuyện văn hóa...

4. KẾT LUẬN

Phong cách văn hóa của Phạm Đình Hổ đặt trong dòng chảy trung đại vẫn có những đặc trưng cơ bản như: tính truyền kì, tính khảo tả... Nhưng ý thức ghi chép văn hóa phi quan phương, mà ông gọi là “nhật hoa trong cỏ”, đã làm ông khác với Lê Quý Đôn hay Lý Văn Phức, một người cũng ghi chép hiện thực.

Mang góc nhìn cá nhân vào khảo cứu văn hóa, tác phẩm của Phạm Đình Hổ không mang giá trị về học thuật kiểu những công trình của Quốc sử quán triều Nguyễn, nhưng nó thể hiện tinh thần và ý thức của một ông quan làm văn hóa đương thời, nó cũng làm uyển chuyển những vấn đề học thuật để tác phẩm đi sâu vào lòng người hơn.

Dưới góc nhìn hiện thực, Phạm Đình Hổ đã đi xa hơn các tác giả trung đại khác ở chỗ: hiện thực hóa huyền thoại, hay đề xuất định hướng quản lý văn hóa cho nhà nước. Đó chính là cái tâm rất lớn của người làm văn hóa thông qua một tác phẩm nhỏ.

Chính vì lẽ đó những khảo cứu của Phạm Đình Hổ có một vị trí rất đặc biệt trong dòng chảy văn hóa Việt Nam và trong tiền đề của khoa Lý luận văn hóa Việt Nam. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Quy chuẩn văn học ngày xưa chữ “tùy bút” không có ý nghĩa giống như thể văn tùy bút hiện đại. Lý luận văn học hiện đại xếp tùy bút là một thể loại thuộc ký, trong đó vừa có yếu tố hiện thực được ghi chép chặt chẽ vừa có yếu tố cái tôi phóng khoáng của tác giả. Lý luận văn học Trung Quốc và Việt Nam cổ trung đại chia văn học quan phương thành các thể loại như: cáo, hịch, thi, diễn nghĩa, từ, phú... “Tùy bút” tạm hiểu nôm na là

gặp gì tung hứng thì viết và không được xem là văn học chính thống. Vì không xác định như thể loại văn học nên tùy bút có đôi chút nhập nhằng với ký – thiên về hiện thực, đôi chỗ lẫn với truyện ngắn hay truyện kỳ trung đại – thiên về hư cấu, đôi chỗ chỉ tương đương với một kiểu “note” – thấy gì ghi lại của điền dã hiện đại. Vì thế nhiều người hiểu *Vũ trung tùy bút* là tùy bút viết vào những ngày mưa, hay là kiểu ẩn dụ lối viết phóng khoáng như hình ảnh ngày mưa, điều này đến nay chưa thực sự giải mã được.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đào Duy Anh. 1938. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Sài Gòn: Nxb. Bốn phương (tái bản) (theo nguyên bản của Nxb. Quan hải tùng thư).
2. Đào Duy Anh. 1948. *Văn hóa là gì*. Hà Nội: Nxb. Tân Việt.
3. Nhiều tác giả. 2007. *Văn hóa học: những phương pháp nghiên cứu*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
4. Phạm Đình Hổ. 2012. *Vũ Trung tùy bút* (Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến dịch). TPHCM: Nxb. Trẻ và Nxb. Hồng Bàng.
5. Phạm Đình Hổ. *Châu phong tạp thảo*. Thư viện Viện Hán Nôm. Ký hiệu VH v.1873.
6. Tylor, E.B. 1871. *Primitive Culture*. London: Cambridge University Press.